# VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

## VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## THÔNG TƯ[1]
**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay**

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 247/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 247/2016/TT-BTC).

- Thông tư số 27/2019/TT-BTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 246/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển và Thông tư số 247/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2019/TT-BTC).

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay.*[2]

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Thông tư này áp dụng đối với: Tổ chức, cá nhân nộp phí; tổ chức thu phí; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thu, nộp phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay.

**Điều 2. Người nộp phí và tổ chức thu phí**

1. Người nộp phí là các tổ chức, cá nhân khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và kinh doanh cảng hàng không.

2. Tổ chức thu phí là các Cảng vụ hàng không (Cảng vụ hàng không miền Bắc, Cảng vụ hàng không miền Trung, Cảng vụ hàng không miền Nam) thuộc Cục Hàng không Việt Nam.

**Điều 3. Các trường hợp miễn phí**

Miễn thu phí đối với các trường hợp sau:

1. Chuyến bay chuyên cơ (không bao gồm tàu bay chuyên khoang hoặc thuê khoang cho mục đích chuyên cơ).

---

[2] Thông tư số 27/2019/TT-BTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ Tài chính có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 246/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển và Thông tư số 247/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay."*

2. Chuyến bay của tàu bay công vụ.

3. Chuyến bay tìm kiếm cứu nạn, vận chuyển hàng viện trợ nhân đạo, cứu trợ lũ lụt, thiên tai và làm nhiệm vụ nhân đạo khác.

**Điều 4. Mức thu phí**

| **Số TT** | **Dịch vụ chịu phí** | **Mức thu** (đồng/lượt hạ hoặc cất cánh) |
|---|---|---|
| 1 | Bảo đảm hoạt động bay | 165.000 |
| 2 | Kinh doanh cảng hàng không | 335.000 |

Trong đó: Mức thu phí được tính trên sản lượng chuyến bay hạ cánh hoặc cất cánh (sản lượng tính theo lượt hạ cánh hoặc cất cánh) đi hoặc đến các cảng hàng không thuộc khu vực do Cảng vụ hàng không thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

**Điều 5. Kê khai, thu, nộp phí**

1. Chậm nhất là ngày 20 hàng tháng, người nộp phí thực hiện nộp số tiền phí phải nộp đối với các chuyến bay cất, hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay do Cảng vụ hàng không quản lý trong tháng trước. Phí nộp trực tiếp cho tổ chức thu hoặc nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Định kỳ chậm nhất ngày thứ hai hàng tuần, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được trong tuần trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

3. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; nộp số tiền phí thu được theo tỷ lệ quy định tại Điều 6 Thông tư này vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước.

***Điều 6. Quản lý và sử dụng phí*** [3]

*1. Cảng vụ hàng không miền Bắc: Trích để lại 45% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; chuyển về Cục Hàng không Việt Nam 14%; nộp ngân sách nhà nước 41%.*

*2. Cảng vụ hàng không miền Trung: Trích để lại 52% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; chuyển về Cục Hàng không Việt Nam 4%; nộp ngân sách nhà nước 44%.*

*3. Cảng vụ hàng không miền Nam: Trích để lại 43% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; chuyển về Cục Hàng không Việt Nam 18%; nộp ngân sách nhà nước 39%.*

*4. Tổ chức thu phí (các Cảng vụ hàng không) quản lý và sử dụng tiền phí được để lại theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật phí và lệ phí; bao gồm cả chi: bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; đo đạc, phân định ranh giới quân sự và dân sự tại các cảng hàng không, sân bay (phần do các cảng vụ hàng không quản lý); thuê nhà làm việc cho các Đại diện cảng vụ hàng không (nếu có).*

*5. Cục Hàng không Việt Nam sử dụng số tiền phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay cho hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; pháp luật phí, lệ phí và theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tài chính đặc thù của Cục Hàng không Việt Nam.*

**Điều 7. Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành** [4]

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Thông tư số 151/2013/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay.

---

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 27/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[4] Điều 3 Thông tư số 27/2019/TT-BTC quy định như sau:

***"Điều 3. Hiệu lực thi hành***

*1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.*

*2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./."*

2. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

---

**BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 45/VBHN-BTC

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2019*

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**